THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 6/2
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Nguyễn Thành Thiên Ân	8.3	8.0	6.6	8.1	9.6	8.3	8.1	10	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	7.3	8.1	6.0	7.9	8.7	6.1	6.0	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
3	Vũ Mạnh Cường	9.9	9.0	8.4	8.1	9.8	9.6	9.3	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Trần Quang Danh	9.8	8.3	7.3	8.8	9.6	8.7	8.8	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Ngô Minh Dũng	9.5	9.1	8.6	8.9	9.8	9.4	9.7	8.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Lê Nguyễn Thanh Hà	9.7	8.8	8.0	9.1	9.8	8.4	8.4	8.0	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Nguyễn Hùng Trọng Khang	8.9	8.2	7.4	8.0	9.9	8.9	9.3	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Nguyễn Hải Lam	9.7	9.2	9.0	9.5	9.8	9.1	8.8	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Huyền Linh	8.6	8.3	8.0	8.0	9.9	9.0	8.0	9.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Phạm Nhật Long	8.8	7.4	5.0	8.1	8.1	8.5	9.3	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Huỳnh Ngọc Mai Phương	9.8	9.3	8.6	9.9	9.6	9.2	9.7	10	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Đỗ Ngọc Hà Phương	8.6	8.4	8.4	9.2	9.0	8.7	7.1	8.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Đỗ Minh Quân	6.2	5.0	8.2	6.9	8.4	7.2	5.3	6.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**
14	Nguyễn Bảo Quyên	9.8	9.4	9.5	9.0	9.8	9.5	9.8	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Trần Vương Nam Thụ	10	9.3	9.1	9.2	10	9.9	9.9	10	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
16	Điêu Minh Thuấn	9.4	8.3	7.1	8.6	9.6	9.2	8.7	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Phạm Hà Khánh Thy	8.4	8.5	8.0	8.8	9.4	9.0	8.5	9.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
18	Nguyễn Vũ Đức Tuấn	7.7	7.7	8.9	7.5	9.0	9.1	8.1	7.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
19	Nguyễn Nhất Vinh	9.3	8.3	9.3	8.8	9.4	9.5	9.4	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Trần Thị Kim Hà	Phan Thị Phương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 6/3
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Đặng Quỳnh An	8.8	8.5	9.6	8.9	9.6	9.1	9.1	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Nguyễn Diệp Thuỳ Anh	9.2	8.3	8.0	9.1	9.6	8.8	9.3	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Bùi Hùng Anh	8.4	7.3	8.6	7.4	8.6	8.7	7.3	6.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
4	Ngô Khả Hân	8.1	8.4	8.1	9.3	8.3	8.2	8.4	5.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
5	Phan Minh Khôi	9.7	8.4	9.2	9.4	9.4	9.3	9.8	9.5	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
6	Nguyễn Tuệ Lâm	8.9	8.8	9.0	8.2	9.1	9.2	9.4	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
7	Hà Nguyễn Thuỳ Lâm	9.8	9.1	9.8	9.7	9.6	9.5	9.5	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Võ Thế Long	9.6	8.0	9.2	8.5	9.1	9.1	9.2	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
9	Nguyễn Lê Minh	9.0	7.1	8.6	8.2	9.0	8.1	8.8	9.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Nguyễn Phạm An Nguyên	8.6	8.3	8.3	9.1	9.6	8.7	9.1	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
11	Phạm Nguyễn Phúc Nguyên	8.0	8.6	9.0	8.9	8.2	8.6	9.1	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Nguyễn Thành Nhân	9.3	8.1	8.9	8.5	8.8	9.9	9.2	9.8	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
13	Huỳnh Lê Trúc Nhi	7.6	7.6	5.2	8.6	7.6	6.8	7.0	6.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
14	Nguyễn Tấn Phú	9.2	8.2	9.1	9.0	9.6	9.4	9.4	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
15	Huỳnh Chí Phúc	7.4	6.8	6.1	8.3	7.3	5.9	6.7	7.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
16	Lê Nguyễn Hoàng Thịnh	9.6	7.9	8.9	8.4	9.4	8.5	9.3	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
17	Nguyễn Quốc Tiến	6.9	7.0	7.2	6.7	7.8	6.8	7.4	8.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
18	Phan Phương Trân	9.7	9.1	9.6	8.9	9.0	8.8	8.8	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
19	Phạm Gia Tuệ	9.1	8.3	7.0	9.1	8.8	8.4	8.5	9.3	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
20	Nguyễn Thanh Tùng	6.2	6.3	4.6	6.1	8.9	7.6	7.0	6.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Đạt**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Nguyễn Thị Cẩm Tú	Phan Thị Phương	Văn Thị Thiên Hà

THE ASIAN INTERNATIONAL SCHOOL

www.asianintlschool.edu.vn

VIETNAMESE PROGRAM

Date of issue: January 10, 2025

KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Results for Academic Semester 1 year 2024-2025

Lớp: 6/4
Grade

STT No.	Họ tên *Name*	Toán *Math*	Ngữ văn *Literature*	Ngoại ngữ - Tiếng Anh *Foreign language - English*	GDCD *Civics Education*	Công nghệ *Technology*	Tin học *Computer Science*	Khoa học Tự nhiên *Natural Siences*	Lịch sử và địa lý *History & Geography*	Giáo dục thể chất *Physical Education*	Nghệ thuật *Arts*	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp *Vocational & Experiential Learning Activities*	Nội dung giáo dục của địa phương *Regional Program*	Kết quả xếp loại và thi đua *Ranking*	
														Kết quả học tập *Academic Performance*	Kết quả rèn luyện *Conduct*
1	Đào Ngọc Vy Anh	9.8	9.0	9.5	9.9	9.6	9.2	9.7	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
2	Vũ Phạm Diệu Anh	9.7	8.5	9.0	9.2	9.1	9.4	9.1	9.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
3	Lê Hoàng Bảo	9.1	8.1	9.0	8.3	8.6	8.9	8.9	7.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
4	Lê Ngọc Quế Chi	9.3	8.6	9.2	9.5	9.7	9.7	9.8	10	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
5	Nguyễn Văn Đức	7.2	7.3	6.3	6.6	7.2	7.4	7.6	6.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
6	Trần Nguyên Khang	8.4	7.4	7.8	7.4	8.5	7.8	8.9	6.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
7	Trần Vân Khánh	8.3	7.6	6.7	8.4	9.1	8.4	8.4	9.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
8	Trần Trung Kiên	8.6	6.9	6.5	6.0	7.7	8.1	8.4	8.1	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
9	Đồng Nhất Nam	9.2	8.2	9.4	7.9	8.3	9.1	8.8	7.2	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
10	Trần Nguyễn An Nhiên	8.4	7.7	8.0	6.8	7.6	8.3	7.9	6.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
11	Nguyễn Trí Quân	8.5	8.0	8.7	7.9	8.8	9.3	8.7	8.6	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Tốt**	**Tốt**
12	Nguyễn Thành Tài	7.6	7.0	6.4	6.7	7.5	8.4	8.2	5.4	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
13	Võ Tiến Thịnh	7.8	7.2	8.1	8.6	7.4	8.3	8.1	6.9	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**
14	Fan Huan Zhu	8.3	8.2	7.2	7.3	8.0	8.6	8.5	7.7	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	**Khá**	**Tốt**

GVCN/*Class Teacher*	GĐCTVN/*VP. Manager*	Kiểm tra/*Checked by*
Hồ Thị Ngoan	Phan Thị Phương	Văn Thị Thiên Hà